

Số: /KH-UBND

Tuần Giáo, ngày tháng 10 năm 2020

KẾ HOẠCH

Hành động thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, các đối tượng đến năm 2030 huyện Tuần Giáo

Thực hiện Kế hoạch số 2533/KH-UBND ngày 28/8/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về hành động thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, các đối tượng đến năm 2030 tỉnh Điện Biên.

Ủy ban nhân dân huyện Tuần Giáo xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, các đối tượng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Tuần Giáo cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT

Toàn quốc đã đạt và duy trì mức sinh thay thế (2,1 con/phụ nữ) hơn 10 năm qua, nhưng đến nay, tổng tỷ suất sinh của huyện vẫn ở mức cao và chưa đạt được mức sinh thay thế (tổng tỷ suất sinh của huyện năm 2019 là 2,24 con). Bên cạnh đó, mức sinh giữa các vùng, các dân tộc không đồng đều (có 7 xã, thị trấn có tổng tỷ suất sinh đạt, gần đạt mức sinh thay thế; 03 xã có tổng tỷ suất sinh đang thấp hơn mức sinh thay thế; 9 xã có tổng tỷ suất sinh đang ở mức cao, rất cao). Mức sinh cao đã tác động tiêu cực đến phát triển KT-XH, giải quyết việc làm, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, giáo dục ... làm tăng khoảng cách phát triển, chất lượng cuộc sống của Nhân dân các vùng trên địa bàn huyện với mặt bằng chung.

Việc duy trì mức sinh thay thế và giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng, địa phương, các dân tộc sẽ góp phần ổn định quy mô dân số, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, tác động tích cực đến việc nâng cao chất lượng dân số và nguồn nhân lực cho phát triển của huyện. Góp phần giảm khoảng cách chênh lệch về thu nhập, mức sống giữa các vùng, các nhóm dân cư, giảm đói nghèo ở các khu vực khó khăn. Vì vậy việc ban hành Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, các đối tượng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Tuần Giáo là cần thiết.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về công tác Dân số trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 137/NQ-CP, ngày 31/12/2017 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác Dân số trong tình hình mới;

- Pháp lệnh Dân số; Pháp lệnh sửa đổi điều 10 Pháp lệnh Dân số và các Nghị định hướng dẫn thực hiện;

- Quyết định số 1679/QĐ-TTg, ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ

về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

- Quyết định số 588/QĐ-TTg, ngày 28/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định phê duyệt “Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030”;

- Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 16/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên, ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương, khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

- Quyết định số 445/QĐ-UBND, ngày 29/5/2018 của UBND tỉnh, ban hành Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW về công tác dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Nghị quyết số 09-NQ/HU, ngày 15/7/2018 của Huyện Ủy Tuần Giáo về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 16/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên về công tác Dân số trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 10-NQ/HU, ngày 15/7/2018 của Huyện Ủy Tuần Giáo về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 16/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Điện Biên về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

- Kế hoạch hành động số 1087/KH-BCĐ, ngày 3/8/2018 của Ban chỉ đạo công tác Dân số - KHHGĐ huyện Tuần Giáo về Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/HU ngày 15/7/2018 của Ban Thường vụ Huyện ủy về chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU về thực hiện công tác Dân số trong tình hình mới;

- Kế hoạch số 110/KH-UBND, ngày 20/7/2020 của UBND huyện Tuần Giáo về Kế hoạch hành động giai đoạn 2020 - 2025 của huyện Tuần Giáo thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

- Kế hoạch số 116/KH-UBND, ngày 30/7/2020 của UBND huyện Tuần Giáo về Kế hoạch thực hiện Chương trình truyền thông dân số đến năm 2030 trên địa bàn huyện Tuần Giáo.

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

1. Đối tượng

- Nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ.

- Lãnh đạo cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và đoàn thể trong hệ thống chính trị; doanh nghiệp, tổ chức; người có uy tín, người đứng đầu các tổ chức tại cộng đồng, tôn giáo, dòng họ, cá nhân liên quan.

2. Phạm vi và thời gian thực hiện

a) Phạm vi: Thực hiện trên phạm vi toàn huyện.

Căn cứ theo số liệu tổng tỷ suất sinh trung bình 5 năm từ năm 2015 - 2019 của các xã, thị trấn được chia thành 02 vùng như sau:

- Vùng mức sinh đạt, gần đạt mức sinh thay thế (tổng tỷ suất sinh dưới 2,3 con) gồm 10 xã, thị trấn: Quài Tở (1,98 con); Quài Cang (2,19 con); Quài Nưa (1,65 con); Chiềng Sinh (1,94 con); Mường Thín (2,06 con); Thị Trấn Tuần Giáo (2,15 con); Nà Sáy (1,61 con); Mùn Chung (1,29 con); Mường Mùn (1,55 con); Mường Khong (2,07 con).

- Vùng mức sinh cao (tổng tỷ suất sinh trên 2,3 con) gồm 09 xã: Tênh Phong (2,62 con); Tỏa Tình (3,33 con); Pú Nhung (2,61 con); Rạng Đông (3,15 con); Chiềng Đông (2,36 con); Nà Tòng (2,83 con); Pú Xi (4,28 con); Ta Ma (2,64 con); Phình Sáng (3,08 con).

b) Thời gian thực hiện: Từ năm 2020 đến năm 2030.

- Giai đoạn 2020-2025: Triển khai các hoạt động của Chương trình trên phạm vi toàn huyện; trọng tâm là giảm sinh ở các xã, thị trấn có mức sinh cao trên 2,3 con; tại các vùng mức sinh đạt, gần đạt mức sinh thay thế tiếp tục tuyên truyền vận động mỗi cặp vợ chồng sinh đủ hai con.

- Giai đoạn 2026-2030: Tiếp tục giảm sinh ở vùng có mức sinh cao đồng thời đánh giá, điều chỉnh, mở rộng và nâng cao chất lượng các hoạt động; hoàn thiện chính sách, biện pháp điều chỉnh mức sinh cho phù hợp.

IV. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục mục tiêu giảm sinh, duy trì vững chắc mức sinh ở những xã, thị trấn đã đạt, gần đạt mức sinh thay thế. Phân đầu giảm mức sinh ở những xã đang có mức sinh cao góp phần thực hiện thành công Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn huyện Tuần Giáo.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

Giảm tổng tỷ suất sinh từ 2,22 con năm 2020 xuống còn 2,15 con năm 2025 và đạt mức sinh thay thế 2,1 con vào năm 2030. Các chỉ tiêu cần đạt:

- Giảm tỷ suất sinh từ 18,89‰ năm 2020 xuống còn 17,39‰ năm 2025 và 15,89‰ năm 2030.

- Tăng tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15-49 tuổi) sử dụng BPTT hiện đại từ 60,3% năm 2020 lên 62% năm 2025 và 63% năm 2030.

V. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền

a) Tiếp tục quán triệt sâu sắc hơn nữa việc chuyển hướng công tác dân số từ tập trung vào việc giảm sinh sang phân đầu đạt và duy trì mức sinh thay thế. Thống nhất nhận thức trong lãnh đạo và chỉ đạo cuộc vận động thực hiện mỗi gia đình, cặp vợ chồng sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiên bộ, hạnh phúc. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện sinh ít con ở những xã, thị trấn,

vùng dân tộc có mức sinh còn cao, duy trì kết quả ở những nơi đã đạt mức sinh thay thế, sinh đủ hai con ở những nơi có mức sinh thấp.

Các hoạt động chủ yếu:

- Ban hành các văn bản quán triệt sự lãnh đạo, chỉ đạo việc chuyển hướng công tác dân số từ tập trung vào việc giảm sinh sang phấn đấu đạt và duy trì mức sinh thay thế và thực hiện cuộc vận động mỗi gia đình, cặp vợ chồng sinh đủ 2 con.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo phổ biến; lãnh đạo, chỉ đạo sinh ít con ở những xã, thị trấn, vùng dân tộc có mức sinh còn cao, duy trì kết quả ở những nơi đã đạt mức sinh thay thế, sinh đủ hai con ở những nơi có mức sinh thấp.

- Cung cấp các ấn phẩm tuyên truyền, vận động phù hợp với các vùng, các đối tượng.

b) Trên cơ sở xác định hiện trạng và xu hướng mức sinh của các xã, thị trấn, đề xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch với chỉ tiêu cụ thể về việc điều chỉnh mức sinh của huyện cho từng giai đoạn cụ thể hướng đến mục tiêu đạt mức sinh thay thế - mỗi gia đình, mỗi cặp vợ chồng nên sinh hai con.

Các hoạt động chủ yếu:

- Đánh giá hiện trạng và xu hướng mức sinh của từng xã, thị trấn.

- Ban hành các văn bản (Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch ...) để đưa mục tiêu, chỉ tiêu về quy mô dân số và mức sinh vào hệ thống chỉ tiêu KT - XH của huyện; rà soát, bổ xung các quy hoạch, kế hoạch phát triển KT - XH của huyện phù hợp với từng giai đoạn.

c) Huy động Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể, tổ chức tham gia thực hiện kế hoạch; giao nhiệm vụ cụ thể cho từng xã, thị trấn trong tổ chức thực hiện; kịp thời có biện pháp điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tiễn của huyện trong từng thời kỳ.

Các hoạt động chủ yếu:

- Ban hành Chương trình, Kế hoạch điều chỉnh mức sinh phù hợp với từng xã, thị trấn; phân công rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của từng cơ quan, đoàn thể trong việc thực hiện Chương trình, Kế hoạch.

- Ban hành các quy định về cơ chế phối hợp liên ngành trong việc thực hiện Chương trình, Kế hoạch điều chỉnh mức sinh của huyện.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, huy động các cơ quan, đơn vị, đoàn thể, tổ chức tham gia thực hiện Chương trình, Kế hoạch điều chỉnh mức sinh của huyện.

- Cung cấp các ấn phẩm tuyên truyền, vận động phù hợp với từng cơ quan, đơn vị, đoàn thể và từng xã, thị trấn.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện của các xã, thị trấn; có biện pháp điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tiễn của huyện trong từng thời kỳ.

d) Thực hiện nghiêm các quy định đảm bảo sự gương mẫu của cán bộ, CCVC, đảng viên trong thực hiện sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc; gắn kết quả thực hiện các mục tiêu điều chỉnh mức sinh được giao cho các địa phương, đơn vị với đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của lãnh đạo cấp ủy, chính quyền địa phương, đơn vị, nhất là người đứng đầu.

Các hoạt động chủ yếu:

- Ban hành quy định đảm bảo sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong thực hiện sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện quy định đảm bảo sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên và trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương, đơn vị.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền vận động thay đổi hành vi

a) Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền sâu, rộng các nội dung của Nghị quyết 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới nhằm tạo sự đồng thuận và ủng hộ của toàn xã hội về việc chuyển chính sách dân số từ việc tập trung vào KHHGD sang giải quyết toàn diện các vấn đề về dân số. Đặc biệt tập trung tuyên truyền thực hiện “vận động sinh ít con hơn ở nơi mức sinh còn cao, duy trì ở những nơi đã đạt mức sinh thay thế và sinh đủ 2 con ở những nơi mức sinh đã xuống thấp dưới 2,1 con”.

Các hoạt động chủ yếu:

- Tổ chức các sự kiện truyền thông, tuyên truyền các nội dung của Nghị quyết 21-NQ/TW và thực hiện mục tiêu điều chỉnh mức sinh phù hợp với từng cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn.

- Phát phóng sự, đưa các bản tin qua hệ thống truyền hình, truyền thanh và trên internet...

- Phát hành, cung cấp các ấn phẩm truyền thông, tư vấn, vận động.

b) Phát triển hệ thống thông điệp truyền thông, nội dung tuyên truyền vận động cho từng địa bàn có mức sinh khác nhau.

Các hoạt động chủ yếu:

- Xây dựng hệ thống thông điệp truyền thông, nội dung tuyên truyền, vận động phù hợp với vùng có mức sinh cao với khẩu hiệu vận động là “Dừng ở hai con để nuôi, dạy cho tốt”.

+ Tiếp tục tuyên truyền về lợi ích của việc sinh đủ hai con đối với phát triển kinh tế - xã hội và nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình hạnh phúc.

+ Tập trung vận động không kết hôn và sinh con quá sớm, không sinh quá dày và không sinh nhiều con.

+ Đối tượng tuyên truyền vận động chủ yếu là cặp vợ chồng đã sinh hai con và có ý định sinh thêm con.

- Xây dựng hệ thống thông điệp truyền thông, nội dung tuyên truyền vận,

động phù hợp với vùng đạt, gần đạt mức sinh thay thế với khẩu hiệu vận động là “Mỗi cặp vợ chồng sinh đủ hai con”.

+ Tập trung tuyên truyền vào lợi ích của việc sinh đủ hai con, các yếu tố bất lợi của việc kết hôn, sinh con quá muộn; sinh ít con đối với phát triển kinh tế - xã hội; đối với gia đình và chăm sóc bố, mẹ khi về già.

+ Tập trung vận động nam, nữ thanh niên không kết hôn muộn, không sinh con muộn, mỗi cặp vợ chồng sinh đủ hai con và nuôi, dạy con tốt.

+ Đối tượng tuyên truyền vận động chủ yếu là nam, nữ thanh niên chưa kết hôn; gia đình, cặp vợ chồng chưa sinh đủ hai con.

c) Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động với các hình thức đa dạng, phong phú, sinh động, hấp dẫn và thuyết phục phù hợp với văn hóa, tập quán, từng nhóm đối tượng và từng vùng mức sinh.

Các hoạt động chủ yếu:

- Tiếp tục tổ chức Chiến dịch truyền thông lồng ghép với cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD ở những vùng trọng điểm, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

- Tuyên truyền, vận động trực tiếp các đối tượng tại cộng đồng, tại hộ gia đình thông qua đội ngũ cộng tác viên dân số, nhân viên Y tế khối, bản và tuyên truyền viên cơ sở.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, chú trọng sử dụng các hệ thống truyền thông đa phương tiện, internet và mạng xã hội.

- Tổ chức các chiến dịch, sự kiện truyền thông tại nơi đông dân cư, tập trung nhiều thanh niên; chú trọng tuyên truyền, vận động đối với các nhóm đặc thù.

- Tổ chức các hoạt động để phát huy vai trò của những người có ảnh hưởng với gia đình, dòng họ như người có uy tín trong dòng họ, già làng, trưởng bản.

- Sản xuất và nhân bản các phóng sự, phim, tiểu phẩm, kịch truyền hình, truyền thanh; cung cấp các tài liệu, ấn phẩm truyền thông; tổ chức các loại hình văn hóa, văn nghệ quần chúng.

d) Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi trong hệ thống giáo dục.

Mục tiêu của giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản phải đảm bảo trang bị cho người học các kiến thức kỹ năng cơ bản, có hệ thống về cấu tạo, cơ chế hoạt động của các cơ quan sinh sản ở người, chăm sóc SKSS; phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, vô sinh và các bệnh lây truyền qua đường tình dục; định hình giá trị mỗi gia đình nên có hai con vì lợi ích gia đình và tương lai bền vững của đất nước.

Các hoạt động chủ yếu:

- Xây dựng và cập nhật chương trình, tài liệu đào tạo, giáo dục dân số SKSS

trong và ngoài nhà trường.

- Tập huấn, đào tạo giảng viên tuyến huyện, học viên là giáo viên, nhân viên Y tế học đường tham gia giảng dạy về dân số, SKSS.

- Thí điểm và từng bước mở rộng triển khai chương trình giáo dục dân số, SKSS trong và ngoài nhà trường trong tình hình mới.

e) Thí điểm triển khai mở rộng thực hiện chương trình giáo dục bắt buộc trước khi kết hôn đối với nam, nữ chuẩn bị kết hôn.

Chương trình phải đảm bảo cung cấp cho nam, nữ thanh niên kiến thức về chăm sóc sức khỏe sinh sản liên quan trực tiếp đến cuộc sống vợ chồng; chăm sóc, nuôi dạy con, quản lý kinh tế gia đình; củng cố giá trị mỗi gia đình nên có hai con, nuôi dạy con tốt và xây dựng gia đình bình đẳng, âm no, tiến bộ, hạnh phúc.

Các hoạt động chủ yếu:

- Đánh giá nhu cầu về kiến thức, kỹ năng chăm sóc SKSS, hôn nhân gia đình và các vấn đề có liên quan của nam, nữ thanh niên trước khi kết hôn.

- Xây dựng chương trình giáo dục trước hôn nhân phù hợp với từng nhóm đối tượng và từng địa phương.

- Tập huấn, đào tạo giảng viên tuyến huyện, học viên tham gia giảng dạy chương trình giáo dục trước kết hôn.

- Thí điểm và từng bước mở rộng triển khai chương trình giáo dục trước kết hôn.

3. Điều chỉnh, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích

a) Rà soát, đề xuất sửa đổi các quy định không còn phù hợp với mục tiêu duy trì vững chắc mức sinh thay thế, đặc biệt là các quy định xử lý vi phạm chính sách dân số hiện hành.

Đề xuất ban hành các quy định về việc đề cao tính tiên phong, gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt, gia đình hạnh phúc.

Các hoạt động chủ yếu:

- Rà soát, đánh giá tác động của các quy định có liên quan đến việc thực hiện mục tiêu duy trì vững chắc mức sinh thay thế.

- Đề xuất ban hành các quy định sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ những nội dung không còn phù hợp với công tác dân số trong tình hình mới.

b) Cụ thể hóa các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phù hợp với đặc điểm mức sinh của các vùng có mức sinh khác nhau.

Các hoạt động chủ yếu:

- Tiếp tục thực hiện những chính sách hỗ trợ, khuyến khích hiện hành:

- + Rà soát, đánh giá, đề xuất sửa đổi, bổ sung mở rộng đối tượng được thụ hưởng hỗ trợ khi sinh con đúng chính sách dân số.

+ Hỗ trợ phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGD cho đối tượng có nhu cầu thuộc vùng có mức sinh cao, hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng chính sách.

- Tiếp tục áp dụng và nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích người dân sinh ít con hơn ở vùng có mức sinh cao hoặc sinh đủ 2 con đối với những vùng có mức sinh đạt, gần đạt mức sinh thay thế.

+ Hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ KHHGD, bao gồm cả phương tiện tránh thai.

+ Bồi dưỡng, hỗ trợ người thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ, người vận động thực hiện KHHGD.

+ Khuyến khích các cặp vợ chồng, gia đình, tập thể, cộng đồng không có người sinh con thứ ba trở lên.

4. Mở rộng tiếp cận các dịch vụ CSSKSS/KHHGD và các dịch vụ có liên quan

a) Phổ cập dịch vụ KHHGD/CSSKSS tới mọi người dân đảm bảo công bằng, bình đẳng trong tiếp cận, sử dụng dịch vụ, không phân biệt giới, người đã kết hôn, người chưa kết hôn.

Lồng ghép các hoạt động phổ cập dịch vụ KHHGD/SKSS với Chương trình củng cố, nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGD đến năm 2030.

Các hoạt động chủ yếu:

- Đảm bảo hỗ trợ phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGD cho đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, đối tượng chính sách, vùng có mức sinh cao.

- Tổ chức cung ứng các dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD thân thiện cho tất cả mọi người dân ở độ tuổi sinh sản.

- Tổ chức các hoạt động thúc đẩy tiếp thị xã hội, xã hội hóa cung cấp dịch vụ KHHGD, chăm sóc SKSS.

- Dự báo nhu cầu phương tiện tránh thai theo phân đoạn thị trường đến năm 2030, phục vụ xây dựng kế hoạch hàng năm, trung hạn và dài hạn.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch đảm bảo an ninh và thị trường tổng thể phương tiện tránh thai, dịch vụ KHHGD.

b) Xây dựng và triển khai các loại hình phòng, tránh vô sinh từ tuổi VTN tại cộng đồng; đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, phát triển mạng lưới hỗ trợ sinh sản.

Các hoạt động chủ yếu:

- Thí điểm mô hình phòng, tránh vô sinh từ tuổi vị thành niên thông qua các chương trình giáo dục, can thiệp tại cộng đồng.

- Tham gia phát triển mạng lưới sàng lọc vô sinh; tích cực chuyển giao công nghệ hỗ trợ sinh sản.

- Thí điểm mô hình xã hội hóa dịch vụ dự phòng, sàng lọc vô sinh, ung thư đường sinh sản tại cộng đồng cho nhóm dân số trẻ đáp ứng nhu cầu và khả năng

chi trả của người dân.

c) Đối với địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số: Tổ chức các loại hình phù hợp; tư vấn, kiểm tra sức khỏe, phát hiện sớm, phòng, tránh các yếu tố nguy cơ dẫn đến sinh con dị tật, mắc các bệnh, tật ảnh hưởng đến suy giảm chất lượng nòi giống. Lồng ghép với các hoạt động của Chương trình “Bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2021-2030”.

Các hoạt động chủ yếu:

- Tổ chức chiến dịch cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD ở những địa bàn trọng điểm, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

- Kiểm tra sức khỏe, phát hiện, tư vấn về phòng, tránh và điều trị cho nam, nữ chuẩn bị kết hôn các nguy cơ sinh con dị tật và mắc các bệnh hiếm nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn.

5. Các nhiệm vụ và giải pháp khác

a) Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng

Các hoạt động chủ yếu:

- Cập nhật kiến thức mới, tập huấn lại đảm bảo đội ngũ cộng tác viên dân số thực hiện đầy đủ, có hiệu quả việc tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện sinh đủ hai con và tham gia cung cấp một số dịch vụ tới tận hộ gia đình.

- Đối với vùng đạt, gần đạt mức sinh thay thế, tập huấn cho toàn bộ cộng tác viên, tuyên truyền viên về kiến thức kỹ năng mới đáp ứng nhiệm vụ chuyển trọng tâm từ giảm sinh sang sinh đủ hai con.

- Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ làm công tác dân số, công tác phụ nữ tại các cơ quan, đơn vị, đoàn thể, tổ chức xã hội đặc biệt là kiến thức, kỹ năng lồng ghép nội dung điều chỉnh mức sinh vào nhiệm vụ hoạt động của các đơn vị.

- Xây dựng nội dung đào tạo, tập huấn về điều chỉnh mức sinh lồng ghép vào chương trình đào tạo, tập huấn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; chú trọng đào tạo đội ngũ chuyên gia trong lĩnh vực dân số, nhân khẩu học.

b) Nghiên cứu khoa học và hệ thống thông tin quản lý

- Nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ về quy mô dân số, mức sinh trong mối quan hệ qua lại với phát triển KT-XH; nghiên cứu về những giải pháp, can thiệp nhằm điều chỉnh mức sinh phù hợp cho từng vùng, từng giai đoạn.

- củng cố, hoàn thiện hệ thống chỉ báo, chỉ tiêu về quy mô dân số và mức sinh. Đưa chỉ tiêu mức sinh vào hệ thống các chỉ tiêu KT-XH giai đoạn 2021-2030.

- Thường xuyên cung cấp thông tin về động thái dân số và thực trạng mức sinh cho cơ quan chỉ đạo điều hành của huyện và các xã, thị trấn

c) Kiểm tra, giám sát, đánh giá

Định kỳ kiểm tra, giám sát, hỗ trợ, đánh giá việc thực hiện Chương trình; kịp thời đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp với thực tiễn. Sơ kết, tổng kết thực

hiện Chương trình, nhất là đánh giá giai đoạn 2020-2025 của Chương trình để điều chỉnh cho phù hợp với giai đoạn 2026-2030.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch thực hiện Chương trình của địa phương thực hiện theo qui định tại khoản 3 điều 1 Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28/4/2020 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030. Theo đó kinh phí thực hiện Chương trình do ngân sách Nhà Nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các cơ quan đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện công tác dân số theo quy định của Luật Ngân sách Nhà Nước và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Nguồn kinh phí hoạt động của Kế hoạch thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030 được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của các ngành, địa phương; ngân sách từ Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số; các chương trình, đề án liên quan khác theo phân cấp của pháp luật về ngân sách nhà nước; quỹ phát triển sự nghiệp của các đơn vị; nguồn xã hội hóa, đóng góp của các tổ chức, cá nhân và nguồn kinh phí hợp pháp khác cho các hoạt động theo phân cấp ngân sách hằng năm.

2. Nội dung và mức chi

Các hoạt động, nhiệm vụ của Kế hoạch Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, các đối tượng đến năm 2030 thực hiện theo các quy định tài chính hiện hành của Nhà nước.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Y tế

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, các đối tượng đến năm 2030.

2. Trung tâm Y tế

- Chủ trì thực hiện Kế hoạch, bảo đảm gắn kết chặt chẽ với các kế hoạch, đề án, dự án, mô hình; là đầu mối phối kết hợp với các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn thống nhất triển khai các hoạt động điều chỉnh mức sinh trên địa bàn toàn huyện.

- Tham mưu xây dựng kế hoạch cụ thể và chịu trách nhiệm chỉ đạo hướng dẫn các Trạm Y tế cấp xã tăng cường phối hợp, tham mưu với các đơn vị chức năng và UBND cùng cấp để tổ chức thực hiện đạt hiệu quả các nội dung Kế hoạch.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch định kỳ báo cáo Ủy ban Nhân dân huyện; tổ chức sơ kết vào cuối năm 2025 và tổng kết thực hiện vào cuối năm 2030.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí theo đúng Luật ngân sách và các quy định hiện hành.

4. Phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường THPT có trên địa bàn

Phối hợp với Trung tâm Y tế đưa nội dung giáo dục về dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản vào trường học, xây dựng mạng lưới truyền thông, tư vấn về sức khỏe sinh sản cho học sinh.

5. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp với các đơn vị liên quan và UBND các xã, thị trấn tổ chức đào tạo nghề, tạo việc làm nhằm sử dụng tối đa lực lượng lao động, thực hiện chế độ chính sách cho người cao tuổi; chính sách an sinh xã hội, chính sách về bình đẳng giới, nâng cao vị thế của phụ nữ, chăm sóc trẻ em lồng ghép với các mục tiêu, chỉ tiêu về Dân số vào kế hoạch phát triển của ngành.

6. Phòng Văn hóa - Thông tin

Phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường hướng dẫn hoạt động thông tin, tuyên truyền, giáo dục chuyển đổi hành vi về dân số, sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới; lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về tuyên truyền công tác dân số vào quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành.

7. Phòng Dân tộc

Triển khai có hiệu quả các kế hoạch, dự án hỗ trợ chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là đối với dân tộc có nguy cơ suy giảm số lượng, chất lượng giống nòi. Phối hợp với các đơn vị liên quan giám sát, kiểm tra việc thi hành các chính sách Dân số; tuyên truyền vận động thực hiện chính sách Dân số đối với đồng bào các dân tộc thiểu số.

8. Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về công tác Dân số; tăng thời lượng phát sóng, số lượng bài viết, và nâng cao chất lượng tuyên truyền về Dân số trong các chương trình, chuyên trang, chuyên mục; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục với thời lượng thích hợp để tuyên truyền kết quả thực hiện chính sách Dân số, kịp thời nêu gương những điển hình, nhân tố mới, đồng thời phê phán những tập thể, cá nhân vi phạm chính sách Dân số.

9. Chi cục Thống kê

Phối hợp với Trung tâm Y tế trong việc cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin số liệu về dân số, biến động dân số, điều tra đánh giá chất lượng dân số, mức tăng, giảm sinh trong toàn huyện theo quy định.

10. UBND các xã, thị trấn

Căn cứ vào Kế hoạch của UBND huyện, xây dựng kế hoạch thực hiện của địa phương, đảm bảo phù hợp với đặc điểm cụ thể trên địa bàn; chỉ đạo triển khai thực hiện. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác Dân số tại địa phương, tổng hợp báo cáo UBND huyện (qua cơ quan thường trực – Trung tâm Y tế huyện).

11. Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể, các lực lượng vũ trang và các tổ chức Chính trị xã hội khác

Có trách nhiệm tham gia triển khai Kế hoạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội liên Hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, huyện Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Liên đoàn Lao động, Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi huyện

Tuyên truyền vận động các tầng lớp Nhân dân thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp giữa các vùng, đối tượng đến năm 2030 trên địa bàn huyện; lồng ghép nội dung này vào cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước của tổ chức mình.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến 2030 của UBND huyện Tuần Giáo. Đề nghị các cấp, các ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ và các nội dung liên quan tại Kế hoạch này xây dựng kế hoạch cụ thể của cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện, đảm bảo các nội dung, yêu cầu./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế tỉnh Điện Biên (b/c);
- Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh (b/c);
- TT Huyện ủy, HDND huyện (b/c);
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, Trung tâm Y tế.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mùa Va Hồ

